ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮKLẮK ******* Số: 43 /2004/QĐ-UB	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------- *Buôn Ma Thuột, ngày 27 tháng 7 năm 2004*

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮKLẮK
Về việc quy định mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh
****

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮKLẮK

- Căn cứ Luật tổ luật HĐND & UBND các cấp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2003;
- Căn cứ Nghị định số: 57/2002/NĐ-CP, ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;
- Căn cứ Nghị quyết số: 17/2003/NQ-HĐ6, ngày 02/10/2003 của Hội đồng nhân dân tỉnh về các loại phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh;
- Theo đề nghị của liên ngành: Sở Tài chính - Cục thuế tại tờ trình số 494/TT/LN-TC-CT, ngày 19/5/2004 về việc thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay quy định mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh theo phụ lục đính kèm .

- Mức trích: 10% trên tổng số thu được để lại cho đơn vị tổ chức thu.
- Số tiền còn lại là 90% đơn vị tổ chức thu có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước và thực hiện việc thanh quyết toán theo quy định.

Điều 2: - Đơn vị tổ chức thu: Công ty Quản lý đô thị & Vệ sinh môi trường Buôn Ma Thuột, Công ty vệ sinh môi trường Đông Phương, UBND các huyện có trách nhiệm tổ chức thu, nộp và thanh quyết toán tiền phí vệ sinh vào ngân sách nhà nước, sử dụng số tiền phí được để lại theo đúng quy định hiện hành.

- Công ty Quản lý đô thị & Vệ sinh môi trường Buôn Ma Thuột, Công ty vệ sinh môi trường Đông Phương, UBND các huyện đăng ký với ngành Thuế để in và phát hành biên lai thu phí vệ sinh theo đúng quy định của Bộ Tài chính.

Điều 3: Chánh Văn phòng HĐND & UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước ĐăkLăk, Chủ tịch UBND các huyện, giám đốc Công ty Quản lý đô thị & Vệ sinh môi trường Buôn Ma Thuột, giám đốc Công ty vệ sinh môi trường Đông Phương chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2004.

Nơi nhận:
- Như điều 3,
- Bộ Tài chính (để b/c)
- CT, PCT HĐND tỉnh (để b/c),
- CT, PCT UBND tỉnh,
- Sở Tư pháp, Thanh tra,
- Lưu VT - TM.

(Phí, lệ phí: 32 bản)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮKLẮK
CHỦ TỊCH

NGUYỄN VĂN LẠNG

PHỤ LỤC MỨC THU PHÍ VỆ SINH

(Kèm theo Quyết định số: 43 /2004/QĐ UB, ngày 27 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	LOẠI PHÍ –ĐỐI TƯỢNG THU PHÍ	TP BMT (đồng / tháng)	Các Huyện còn lại(đồng / tháng)
1	Khách sạn		
	- Khách sạn có nhà hàng ăn uống	180.000	150.000
	- Khách sạn không có nhà hàng ăn uống	130.000	100.000
2	Nhà trọ, phòng ngủ	70.000	40.000
3	Các cơ sở y tế (trừ rác thải y tế)		
	- Bệnh viện tỉnh	500.000	
	-Trungtâm y tếTP BMT , nhà hộ sinh TPBMT, trung tâm y tế huyện.	200.000	200.000
	- Cơ sở y tế tư nhân có giường bệnh	100.000	50.000
	- Cơ sở y tế tư nhân không có giường bệnh	50 .000	20.000
	- Trạm y tế xã, phường, thị trấn	20.000	10.000
4	Ăn uống, giải khát:		
	- Nhà hàng ăn uống	150.000	90.000
	- Hộ, điểm ăn uống, điểm tâm, giải khát, quán cà phê	90.000	20.000
5	- Hộ, cơ sở gia công, chế biến gỗ, hàng mộc dân dụng, cơ sở xay xát	100.000	50.000
	- Garage sửa chữa xe ô tô, các cơ sở hàn tiện, sửa chữa cơ khí, hộ mua bán si trái cây , rau bắp, bí. Hộ, điểm kinh doanh nông sản, đại lý gar, điểm thu mua phế liệu	80.000	40.000
6	- Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	300.000	150.000
7	- Cơ sở, điểm mua bán xe ô tô, xe mô tô, máy nông cơ, rạp chiếu bóng, nhà văn hóa, các dịch vụ vui chơi giải trí.	80.000	40.000
	- Hộ, điểm kinh doanh các ngành: Văn hóa phẩm, sửa chữa xe máy, hiệu may, đóng giày dép, mua bán thuốc tây, thuốc bắc, thuốc nam, mua bán cây cá cảnh, mua bán radio cassett, ti vi, phụ tùng ô tô, mua bán xe đạp, điện dân dụng, điện tử khác, cửa hàng mua bán tạp hóa, tạp phẩm;	50.000	20.000
	- Các hộ kinh doanh khác còn lại	20.000	10.000
8	- Trụ sở các tổ chức, cơ quan, đơn vị	50.000	25.000
	- Trường học:		
	.Trường mầm non	20.000	10.000
	.Trường tiểu học, trung học cơ sở	30.000	15.000
	.Trường THPT, Đại học, Cao đẳng, THCN, cơ sở giáo dục khác	50.000	20.000
9	Các hộ không tham gia hoạt đông sản xuất kinh doanh (kể cả các hộ ở khu tập thể)	8.000	6.000